

Số: 01/2026/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 05/TTr-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 17/BC-BPC ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của



Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đảm bảo kinh phí phục vụ công tác xây dựng pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Tổng định mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Tổng định mức khoán chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố trình: Mức chi cụ thể thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Đối với văn bản quy phạm pháp luật không do Ủy ban nhân dân thành phố trình: giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành Nghị quyết.

Điều 4. Nguồn kinh phí và phương thức thực hiện khoán chi

1. Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai, thực hiện theo quy định; căn cứ tổng định mức khoán chi tại Điều 2 và Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này, quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản



quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Hội đồng nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tổng định mức khoán chi tại Điều 2 Nghị quyết này, quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Mức chi xây dựng báo cáo thẩm tra nghị quyết quy phạm pháp luật; mức khoán chi thuê chuyên gia đối với hoạt động thẩm tra nghị quyết quy phạm pháp luật tại số thứ tự 5, 6 Mục V, Điều 3 Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai được thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành thuộc lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Quy định chuyển tiếp

Các văn bản quy phạm pháp luật đã được thẩm định hoặc đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã hoàn thành, kết thúc trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện thanh, quyết toán thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung chi, mức chi quy định tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của



Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các văn bản có liên quan.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai Khóa I, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 15 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.!

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Đảng ủy, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố);
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, PCTHĐND (Q.Hội).



Tôn Ngọc Hạnh





Phụ lục I

TỔNG ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15/5/2026)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Loại văn bản	Văn bản ban hành mới, thay thế	Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên	Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản	Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	250	250	150	75
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	100	100	60	60
3	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố	30	30	18	9
4	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	10	10	6	4
5	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	8	8	4,8	2,4



Phụ lục II

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRONG XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15/5/2026)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng mức chi	Nhiệm vụ chi				
			Nhiệm vụ thẩm tra	Nhiệm vụ soạn thảo, góp ý	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	
						Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố
1	Nghị quyết ban hành mới	250	75	130	21	12	12
2	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 nghị quyết trở lên	250	75	130	21	12	12
3	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 nghị quyết	150	45	78	12,6	7,2	7,2
4	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ	75	22,5	39	6,3	3,6	3,6